



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2015



Tháng 4 năm 2016



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH
Năm 2015

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên tiếng Anh: **Binh Dinh Minerals Joint Stock Company**
- Tên giao dịch: **BIMICO**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100 390 008 ngày 15/05/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp
- Vốn điều lệ: **123.926.300.000 đồng.**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 123.926.300.000 đồng.
- Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Số điện thoại: 056-3822073-3820081
- Số fax: 056-3822497
- Website: www.bimico.vn
- Mã cổ phiếu: BMC

2. Quá trình hình thành và phát triển

a. Lịch sử hình thành:

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định tiền thân là Công ty Khoáng sản Bình Định được thành lập năm 1985, là một trong những Công ty có uy tín và tiên phong trong lĩnh vực khai thác sa khoáng tại tỉnh Bình Định cũng như ở Việt Nam.

Trải qua hơn 25 năm phát triển, Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định đã đứng vững và ngày càng khẳng định vị trí của mình trong cơ chế thị trường. Công ty đã được nhà nước tặng Huân chương lao động hạng 3 vào năm 1999.

Thực hiện chủ trương cổ phần hoá của Nhà nước, Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định chuyển thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 09/2001/QĐ-UB ngày 08 tháng 01 năm 2001 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Định. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000009 ngày 08 tháng 01 năm 2001, thay đổi lần thứ 8 số 4100390008 ngày 15 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Vốn điều lệ tại thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần là 13.114.000.000 đồng. Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2015 là 123.926.300.000 đồng.

Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định đã xúc tiến các thủ tục cần thiết để phục vụ cho việc niêm yết cổ phiếu của



Công ty trên thị trường chứng khoán tập trung. Ngày 28 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch phiên đầu tiên tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh). Tính đến ngày 31/12/2015 tổng số cổ phiếu đã phát hành và lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán TP. HCM là 12.392.630 cổ phiếu.

b. Quá trình phát triển:

- Hiện nay Công ty đang khai thác, chế biến và kinh doanh sa khoáng Titan. Sản phẩm chính của Công ty là Ilmenite, nguyên liệu chính dùng để sản xuất bột màu Titan dioxit (TiO_2) và kim loại Titan. Bên cạnh đó trong quá trình chế biến, Công ty còn thu được các loại sản phẩm khác như: Zircon, Rutile, Monazite, Magnetic - là các hợp chất dùng trong ngành công nghiệp gạch men, que hàn điện, chế tạo bột màu Titan dioxit (TiO_2).

- Sản phẩm của Công ty sau khi được sản xuất ra đều đạt được chất lượng theo yêu cầu về chất lượng của khách hàng trong và ngoài nước. Quặng tinh Ilmenite có hàm lượng thấp nhất là 52% TiO_2 , bột Zircon mịn có hàm lượng 65% ZrO_2 min, Rutile có hàm lượng 87% TiO_2 , Monazite có hàm lượng REO > 57% và Magnetic có hàm lượng Fe_3O_4 > 75%, Xi titan các loại có hàm lượng từ 85% - 92% TiO_2 , gang hợp kim.

- Trong năm 2007, Công ty đã đầu tư hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng dây chuyền nghiền mịn Zircon với vốn đầu tư khoảng 4 tỷ đồng. Đây là một dự án đầu tư nhằm nâng cao hơn nữa giá trị sản phẩm xuất khẩu, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, cũng như thỏa mãn đầy đủ các tiêu chuẩn xuất khẩu do Nhà nước quy định.

- Ngày 16/9/2007 Công ty đã chính thức khởi công Dự án Nhà máy Xi titan Bình Định. Đây là dự án chế biến sâu Titan đầu tiên của cả nước. Tháng 1 năm 2009, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng và chính thức đưa vào hoạt động Nhà máy Xi titan Bình Định – giai đoạn 1 với công suất giai đoạn 1 là 9.500 tấn sản phẩm/năm. Tổng mức đầu tư giai đoạn 1 khoảng 44 tỷ đồng. Đây là một dự án đầu tư nhằm nâng cao đáng kể giá trị gia tăng của sản phẩm, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiết kiệm tài nguyên, kéo dài tuổi thọ của mỏ, đồng thời phù hợp với quy hoạch của Nhà nước về thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng titan giai đoạn 2007 – 2015, định hướng phát triển đến 2025. Nhà máy sản xuất ra các loại sản phẩm là Xi Titan có hàm lượng từ 75% đến 92% TiO_2 và Gang hợp kim có hàm lượng $\text{Fe} \geq 98\%$, đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu cho thị trường Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc.

Năm 2011, thị trường tiêu thụ mặt hàng Xi titan có sự khởi sắc hơn so với trước. Mặt khác thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng này cũng đã giảm từ 15% xuống 10%. Các yếu tố trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu mặt hàng Xi titan. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng lên của thị trường về mặt hàng này, Đại hội

đồng cổ đông thường niên năm 2011 đã nhất trí thông qua việc tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 của Dự án Nhà máy Xi titan Bình Định. Công suất của Dự án giai đoạn 2 tăng lên 2,5 lần so với công suất ban đầu của Dự án giai đoạn 2. Quý 3 năm 2012 Công ty đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành dây chuyền luyện xi titan giai đoạn 2, làm tiền đề quan trọng cho việc nâng cao sản lượng sản phẩm chế biến sâu cho các năm sau. Trong quá trình đầu tư xây dựng, ngoài việc đầu tư cho hệ thống thiết bị phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, Công ty còn tiến hành đầu tư thêm hệ thống xử lý khói bụi cho dây chuyền thiết bị. Việc đầu tư này đã giải quyết triệt để vấn đề ô nhiễm môi trường. Tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty sản xuất lâu dài, ổn định trên địa bàn.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản từ quặng sa khoáng Titan. Các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản (trừ điều tra, thăm dò dầu khí). Kiểm tra, phân tích kỹ thuật các loại quặng khoáng sản. Mua bán các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ khai thác và chế biến các loại quặng khoáng sản.

- Địa bàn kinh doanh: Toàn bộ địa bàn hoạt động của Công ty hiện nay nằm trong phạm vi tỉnh Bình Định. Bao gồm:

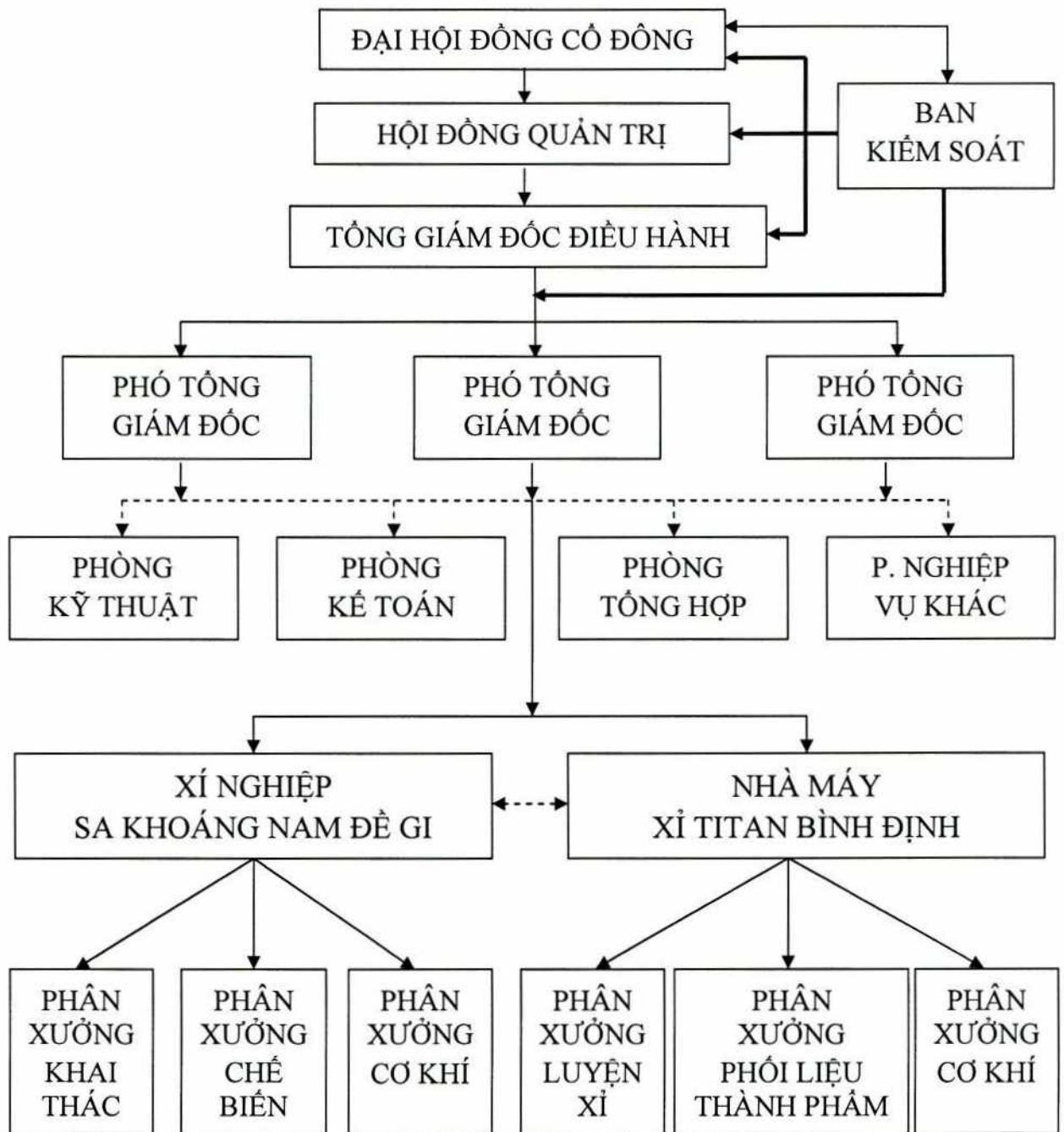
+ Trụ sở chính của Công ty: 11 Hà Huy Tập, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

+ Các cơ sở sản xuất: Công ty hiện có 02 cơ sở sản xuất:

• Xí nghiệp Sa khoáng Nam Đê Gi, thuộc xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Sản phẩm của Xí nghiệp là các loại tinh quặng được chế biến từ quặng sa khoáng Titan nguyên khai. Bao gồm: Ilmenite, Zircon, Rutile, Monazite và Magnetic. Trong đó sản phẩm Ilmenite sản xuất ra một phần cung cấp cho Nhà máy Xi titan Bình Định, phần còn lại dùng để xuất khẩu.

• Nhà máy Xi titan Bình Định: thuộc xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Nhà máy sử dụng nguyên liệu chính là tinh quặng Ilmenite (là sản phẩm của XN Sa khoáng Nam Đê Gi) để tiếp tục thực hiện công đoạn chế biến sâu. Sản phẩm của Nhà máy hiện nay là các loại Xi titan và gang hợp kim.

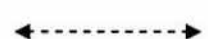
4. Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của Công ty:



Chú thích



Quan hệ trực tuyến



Quan hệ chức năng



Quan hệ kiểm soát

5. Định hướng phát triển:

- Lấy năng suất, chất lượng, hiệu quả và sự hài lòng của khách hàng làm thước đo cho sự phát triển bền vững.

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Tiếp tục củng cố sản xuất kinh doanh cả mặt hàng tinh quặng truyền thống lẫn sản phẩm chế biến sâu để tận dụng lợi thế của Công ty đối với ngành khai thác và chế biến titan, tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ mới đối với sản phẩm titan để nâng cao hiệu quả đầu tư, tạo thế ổn định và phát triển cho Công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu liên doanh, liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước tìm kiếm dự án sản phẩm mới để thực hiện chủ trương đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở phát huy ưu thế của Công ty trong lĩnh vực khai thác và chế biến sâu titan.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động; đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tập trung cho việc vạch ra chiến lược Marketing tạo thế cạnh tranh khi thị trường tiêu thụ sản phẩm mở rộng nhằm nâng cao giá trị hàng hoá xuất khẩu.

- Tiếp tục nghiên cứu các dự án đầu tư chế biến sâu sản phẩm titan nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, kéo dài tuổi thọ của mỏ, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Công ty đã tích cực và đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép khai thác vùng mỏ mới với diện tích 150 ha, trữ lượng 334.597 tấn. Đây là tiền đề vô cùng quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu hiện tại của thị trường cũng như đầu tư cho các dự án đầu tư chế biến sâu mang tính dài hơi, phục vụ cho kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty.

- Liên doanh liên kết với các đối tác trong và ngoài nước tìm kiếm sản phẩm mới nhằm thực hiện chiến lược đa dạng hoá sản phẩm.

- Tái cấu trúc lại mô hình tổ chức quản lý nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý, đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong tương lai.

c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Trong quá trình khai thác và chế biến khoáng sản, Công ty luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường. Mục tiêu của Công ty đối với vấn đề môi trường là:

- Hướng tới việc hình thành nên một hệ thống sản xuất thân thiện với môi trường, giảm thiểu đến mức thấp nhất các chất thải nguy hại cũng như các ảnh hưởng tiêu cực khác đến môi trường.

- Quan tâm đến việc hỗ trợ nhân dân tại nơi có tài nguyên Công ty đang khai thác hoặc địa bàn mà Công ty đứng chân phù hợp với khả năng tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty theo các phương thức thích hợp nhằm thực hiện có hiệu quả việc từng bước góp phần cải thiện đời sống nhân dân tại địa phương, tạo sự đồng thuận cao giữa doanh nghiệp và địa phương cũng như môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty.

a. Rủi ro biến động kinh tế.

Mức độ tăng trưởng của nền kinh tế là một nhân tố quan trọng quyết định tốc độ tăng trưởng của các ngành công nghiệp có sử dụng hợp chất Titan (bất động sản, công nghiệp ô tô, hàng không, vũ trụ, công nghiệp men, sứ, nhựa, sơn ...) và qua đó trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng tới ngành khai thác và chế biến các sản phẩm từ quặng Titan. Một nền kinh tế tăng trưởng mạnh và ổn định sẽ kéo theo nhu cầu về hợp chất Titan và ngược lại, nền kinh tế phát triển trì trệ sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của ngành khai thác và sản xuất các hợp chất Titan. Mức độ phát triển của nền kinh tế thế giới có ảnh hưởng đến sự phát triển của các ngành công nghiệp và gián tiếp tác động đến sự phát triển của các doanh nghiệp hoạt động khai thác chế biến sa khoáng Titan.

b. Rủi ro chính sách nhà nước.

Sản phẩm của Công ty 95% được xuất khẩu sang các thị trường Nhật Bản, Malaysia, Trung Quốc, Hàn Quốc, Châu Âu. Để bảo đảm sự phát triển ổn định và vững chắc của doanh nghiệp, tạo sự chủ động của Công ty trong sản xuất kinh doanh trước chủ trương hạn chế xuất khẩu tinh quặng Titan của Nhà nước hiện nay, Công ty đã đầu tư hoàn chỉnh và đưa vào vận hành khai thác toàn bộ dây chuyền sản xuất Xi titan với công suất thiết kế khoảng 35.000 tấn sản phẩm /năm. Việc đưa toàn bộ dây chuyền sản xuất xi titan vào hoạt động là tiền đề quan trọng cho Công ty trong việc hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.

c. Rủi ro pháp luật.

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chế độ, chính sách luôn có thể xảy ra – đặc biệt là các chính sách về thuế - và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

d. Rủi ro tỷ giá hối đoái.



Phần lớn doanh thu của Công ty từ việc xuất khẩu và các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm của Công ty được ký với đơn vị tính là USD, do đó sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ tác động đến doanh thu của Công ty, gây ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh. Trong năm 2015 tỷ giá VND/USD biến động tăng ở mức độ vừa phải, nên ảnh hưởng không nhiều đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

e. Rủi ro khác.

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch hoặ, hoả hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2015	TH 2015	TH 2015 /KH 2015	TH 2015 /TH 2014
1. Giá trị sản xuất CN	Tr.đồng	33.800	37.840	111,95%	76,22%
2. Tổng doanh thu	Tr.đồng	218.000	137.845	63,23%	77,45%
3. Kim ngạch nhập khẩu	Ng. USD				
4. Kim ngạch xuất khẩu	Ng. USD	8.600	5.693	66,20%	76,62%
5. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	17.500	14.379	82,17%	54,27%
6. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	14.000	12.074	86,24%	57,32%
7. Đầu tư mới	Tr.đồng	10.000	125	1,25%	1,47%
8. Nộp ngân sách	Tr.đồng	35.000	27.292	77,98%	38,42%

Trong năm 2015, sản lượng tiêu thụ đạt 20.118 tấn sản phẩm các loại, chỉ bằng 95,35% so với năm 2014. Do ảnh hưởng tiêu cực của thị trường kinh tế thế giới, giá bán trong năm 2015 vẫn tiếp tục suy giảm so với năm 2014. Vì vậy, doanh thu 2015 chỉ bằng 77,45% so với năm 2014. Giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 5,69 triệu USD bằng 76,58% so với thực hiện năm 2014. Nhìn chung kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 là không đạt chỉ tiêu kế hoạch theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 đề ra: So với kế hoạch 2015, doanh thu chỉ đạt 63,23%; kim ngạch xuất khẩu bằng 66,20%; lợi nhuận sau thuế bằng 86,24%; chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước bằng 77,98%.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 đã thông qua kế hoạch tỷ lệ trả cổ tức năm 2015 là 15%. Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2014 là 15% cho cổ đông, số cổ tức 15% còn lại của 2014 Công ty đã thực hiện chi trả cho cổ đông trong tháng 3/2016.

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Ban điều hành:

a.1 Danh sách:

Ban điều hành của Công ty hiện nay gồm có:

- Ông: Lê Anh Vũ : Tổng Giám đốc
- Ông: Hà Văn Cường : Phó Tổng giám đốc
- Ông: Trần Cảnh Thịnh : Phó Tổng giám đốc
- Ông: Huỳnh Ngọc Bích : Kế toán trưởng.

a.2 Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

Ông LÊ ANH VŨ

- Ngày sinh: 04/12/1962
Nơi sinh: Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Hương Xuân, huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú: Tổ 33A khu vực 1 Phường Trần Phú, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 056-3820081
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế
- Quá trình công tác:
- 01/1990 - 10/1995: Chuyên viên Kế toán tại Sở Công nghiệp Bình Định
 - 11/1995 - 12/2000: Phụ trách Kế toán tại Công ty Khoáng sản Bình Định
 - 01/2001 - 05/2007: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
 - 06/2001 - 04/2011: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định, thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Khoáng sản Bình Định Việt Nam - Malaysia.
 - 05/2001 - 10/2012: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
 - 11/2012 – 05/2014: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
 - 06/2014 - đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Số cổ phần nắm giữ: 1.922.246 cổ phần.
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 63.351 cổ phần.
+ Đại diện sở hữu: 1.858.895 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Ông HÀ VĂN CƯỜNG

Ngày sinh: 08/01/1964
Nơi sinh: Xã Cát Nhơn, huyện Phú Cát, tỉnh Bình Định
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Cát Nhơn, huyện Phú Cát, tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú: 09 - Đường Võ Đình Tú, Tp.Quy Nhơn
ĐT liên lạc ở cơ quan: 056-3825857
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác:

- 10/1987 - 6/1993: Công tác tại Nhà máy Cơ khí Thống nhất Nghĩa Bình, chức vụ đảm nhận: Kỹ sư cơ điện. Kỹ sư công nghệ
- 06/1993 - 10/1998: Công tác tại Xí nghiệp Cơ khí Quang Trung Bình Định, chức vụ: Kỹ sư công nghệ.
- 10/1998 - 04/2002: Công tác tại Phòng Kỹ thuật Sở Công nghiệp Tỉnh Bình Định, chức vụ chuyên viên kỹ thuật
- 04/2002 – 04/2006: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
- 04/2006 – đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Số cổ phần nắm giữ: 13.577 cổ phần.
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 13.577 cổ phần.
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

Ông TRẦN CẢNH THỊNH

Ngày sinh: 20/03/1965
Nơi sinh: Xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú: KV 12, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Bình Định
ĐT liên lạc ở cơ quan: 056.3822039
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
Quá trình công tác:

- 9/1986 - 8/1994: Công tác tại Ban Quản lý Công trình Thủy điện Vĩnh Sơn
- 9/1994 - 4/2001: Công tác tại Cảng Thị Nại Bình Định.
- 5/2001 - 3/2002: Công tác tại Trung tâm đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải Bình Định.
- 4/2002 - 3/2007: Trưởng phòng Tổng hợp Cty cổ phần Khoáng sản Bình Định.
- 4/2007 – 02/2012: Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Tổng hợp Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.
- 3/2012 - đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

Số cổ phần nắm giữ: 12.000 cổ phần.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 12.000 cổ phần.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Ông HUỖNH NGỌC BÍCH

Ngày sinh: 15/06/1965

Nơi sinh: Tam Quan, Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Tam Quan, Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú: 363 Nguyễn Thị Minh Khai, TP Quy Nhơn, Bình Định
Điện thoại liên lạc: 0989 072 940
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán
Quá trình công tác:

- 07/1987 - 07/1995: Kế toán Công ty vật tư Bình Định
- 08/1995 - 04/2000: Kế toán tổng hợp Công ty Khoáng sản Bình Định.
- 05/2000 - 01/2008: Thành viên Ban kiểm soát, Kế toán tổng hợp Công ty CP Khoáng sản Bình Định.
- 01/2008 - 10/2012: Kế toán tổng hợp Công ty CP Khoáng sản Bình Định.
- 11/2012 - đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Khoáng sản Bình Định.
Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định. Thư ký Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

Số cổ phần nắm giữ: 45.372 cổ phần.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 45.372 cổ phần.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

b. Các thay đổi trong Ban điều hành năm 2015:

Trong năm 2015 Công ty có sự thay đổi nhân sự cấp cao. Cụ thể:

- Chấm dứt tư cách thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Văn Chánh kể từ ngày 01/06/2015.

- Bổ nhiệm ông Hoàng Liên Sơn giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị kể từ ngày 01/06/2015

c. Người lao động tại Công ty:

c.1. Số lượng:

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 là 324 người, trong đó lao động gián tiếp là 29 người.

c.2 Chính sách đối với người lao động:



❖ **Chế độ làm việc.**

Thời gian làm việc: Công ty đang thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/tuần, các nhân viên tại văn phòng làm việc theo giờ hành chính, và tại các nhà xưởng của Công ty được tổ chức làm việc theo ca với mật độ 3 ca/ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc thì người lao động có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đã negoti thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép trong năm.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết 09 ngày theo quy định của bộ Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 04 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Các chế độ, phúc lợi: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động.

- Nộp BHXH, BHYT, BHTN cho 100% CBCNV.
- Trang bị phương tiện lao động cho 100% CBCNV.
- Bồi dưỡng độc hại theo chế độ hiện hành.
- Lao động trực tiếp sản xuất được cấp trang phục bảo hộ lao động.
- Tiền ăn giữa ca.
- Mua bảo hiểm kết hợp tai nạn – sinh mạng – nằm viện, phẫu thuật cho toàn bộ người lao động tại Công ty.

Ngoài ra, công tác an toàn lao động được cấp lãnh đạo Công ty quan tâm hàng đầu, quán triệt cho CBCNV nắm vững an toàn kỹ thuật và hiểu rõ tầm quan trọng của công tác an toàn lao động. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn, Hội Cựu chiến binh và Đoàn thanh niên đều được tạo điều kiện thuận lợi.

❖ **Chính sách tuyển dụng, đào tạo.**

Tuyển dụng: mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có trình độ, năng lực và kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc. Công ty thường xuyên quan tâm tuyển dụng sắp xếp, bố trí và kiện toàn đội ngũ cán bộ phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công ty kết hợp chặt chẽ đến vấn đề đào

tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá tập huấn để nâng cao trình độ nghiệp vụ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Giá trị đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị trong năm 2015 không đáng kể, chỉ khoảng 125 triệu đồng, chủ yếu là phục vụ cho việc mua sắm tài sản cố định.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	256.703	237.774	-5,90%
Doanh thu thuần	153.888	123.231	-58,70%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	23.537	14.324	-76,13%
Lợi nhuận khác	2.957	55	1.494,63%
Lợi nhuận trước thuế	26.494	14.379	-73,18%
Lợi nhuận sau thuế	21.064	12.074	-73,68%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	58,83%	51,32%	

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	527,18%	374,34%
Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	139,11%	92,83%
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	13,08%	17,69%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	15,04%	21,49%
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	1,32	0,92

Doanh thu thuần/Tổng tài sản	59,95%	51,83%
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	13,69%	9,80%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	9,44%	6,17%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	8,21%	5,08%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	15,29%	11,62%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần : 12.392.630
- Trong đó: cổ phần phổ thông : 12.392.630
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 12.392.630

b. Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu: (tại ngày 11/03/2016)

Đối tượng sở hữu vốn	Tổng cộng	Cổ đông Nhà nước	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên	Cổ đông sở hữu từ 1 đến dưới 5%	Cổ đông sở hữu dưới 1 %
TRONG NƯỚC					
- Số lượng CP	11.119.406	3.098.184	3.471.172	644.240	3.905.810
- Tỷ lệ (%)	89,73%	25,00%	28,01%	5,20%	31,52%
<i>Trong đó:</i>					
Tổ chức					
- Số lượng CP	5.900.048	3.098.184	2.790.012	0	11.852
- Tỷ lệ (%)	47,61%	25,00%	22,51%	0,00%	0,10%
Cá nhân					
- Số lượng CP	5.219.358		681.160	644.240	3.893.958
- Tỷ lệ (%)	42,12%	0,00%	5,50%	5,20%	31,42%
NƯỚC NGOÀI					
- Số lượng CP	1.273.224	0	0	485.020	788.204
- Tỷ lệ (%)	10,27%	0,00%	0,00%	3,91%	6,36%
<i>Trong đó:</i>					
Tổ chức					
- Số lượng CP	739.316			338.950	400.366
- Tỷ lệ (%)	5,97%	0,00%	0,00%	2,74%	3,23%
Cá nhân					
- Số lượng CP	533.908			146.070	387.838
- Tỷ lệ (%)	4,31%	0,00%	0,00%	1,18%	3,13%

TỔNG CỘNG					
- Số lượng CP	12.392.630	3.098.184	3.471.172	1.129.260	4.694.014
- Tỷ lệ (%)	100,00%	25,00%	28,01%	9,11%	37,88%
<i>Trong đó:</i>					
Tổ chức					
- Số lượng CP	6.639.364	3.098.184	2.790.012	338.950	412.218
- Tỷ lệ (%)	53,58%	25,00%	22,51%	2,74%	3,33%
Cá nhân					
- Số lượng CP	5.753.266	0	681.160	790.310	4.281.796
- Tỷ lệ (%)	46,42%	0,00%	5,50%	6,38%	34,55%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2015 không có sự biến động về vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất trong năm:

- Dầu diezen: 61,7 tấn
- Than các loại: 2.178 tấn

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Điện: 19,3 triệu kwh

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

* Xí nghiệp sa khoáng Nam Đê Gi:

- Nguồn cung cấp nước: Sử dụng nước mặt, hình thành do quá trình đào như đào ao, tồn tại trên mặt đất liền.

- Lượng nước sử dụng: $\approx 3,32 \text{ m}^3/\text{tấn}$ quặng thô

* Nhà máy Xi Titan Bình Định:

- Nguồn cung cấp nước: Mua ngoài

- Lượng nước sử dụng: 3.100 m^3 .

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Tỷ lệ nước tái sử dụng khoảng 92,5%

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, thu nhập trung bình đối với người lao động.

Tại 31/12/2015 Công ty có 324 lao động, thu nhập bình quân người lao động trong năm 2015 là 6,3 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Thời gian làm việc: Công ty đang thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/tuần, các nhân viên tại văn phòng làm việc theo giờ hành chính, và tại các nhà xưởng của Công ty được tổ chức làm việc theo ca với mật độ 3 ca/ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc thì người lao động có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép trong năm.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết 09 ngày theo quy định của bộ Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 04 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Các chế độ, phúc lợi: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động.

- Nộp BHXH, BHYT, BHTN cho 100% CBCNV.
- Trang bị phương tiện lao động cho 100% CBCNV.
- Bồi dưỡng độc hại theo chế độ hiện hành.
- Lao động trực tiếp sản xuất được cấp trang phục bảo hộ lao động.
- Tiền ăn giữa ca.



- Mua bảo hiểm kết hợp tai nạn – sinh mạng – nằm viện, phẫu thuật cho toàn bộ người lao động tại Công ty.

Về công tác an toàn lao động lãnh đạo Công ty thường xuyên quán triệt cho CBCNV nắm vững an toàn kỹ thuật và hiểu rõ tầm quan trọng của công tác an toàn lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Tuyển dụng: mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có trình độ, năng lực và kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc. Công ty thường xuyên quan tâm tuyển dụng sắp xếp, bố trí và kiện toàn đội ngũ cán bộ phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công ty kết hợp chặt chẽ đến vấn đề đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá tập huấn để nâng cao trình độ nghiệp vụ.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty luôn quan tâm đến việc hỗ trợ nhân dân tại nơi có tài nguyên Công ty đang khai thác hoặc địa bàn mà Công ty đứng chân phù hợp với khả năng tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty theo các phương thức thích hợp nhằm thực hiện có hiệu quả việc từng bước góp phần cải thiện đời sống nhân dân tại địa phương, tạo sự đồng thuận cao giữa doanh nghiệp và địa phương cũng như môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của Công ty. Mức hỗ trợ bình quân hàng năm khoảng 1% lợi nhuận sau thuế.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Tình hình thực hiện kế hoạch 2015:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Tỷ lệ hoàn thành
1. Giá trị sản xuất CN	Tr.đồng	33.800	37.840	111,95%
2. Tổng doanh thu	Tr.đồng	218.000	137.845	63,23%
3. Kim ngạch nhập khẩu	Ng. USD			
4. Kim ngạch xuất khẩu	Ng. USD	8.600	5.693	66,20%
5. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	17.500	14.379	82,17%
6. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	14.000	12.074	86,24%
7. Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	15	10	66,67%
8. Vốn Điều lệ	Tr.đồng	123.926	123.926	100,00%
9. Đầu tư mới	Tr.đồng	10.000	125	1,25%
10. Nộp ngân sách	Tr.đồng	35.000	27.292	77,98%

b. Đánh giá kết quả SXKD:

Do tình hình kinh tế và thị trường titan thế giới giảm sút mạnh, giá cả tiếp tục giảm, sản lượng tiêu thụ thấp nên kết quả sản xuất kinh doanh nhìn chung là chưa hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015.

Khó khăn, nguyên nhân:

- **Vấn đề thị trường:** Trong giai đoạn từ cuối năm 2012 đến nay, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh Titan nói chung và Công ty nói riêng đang phải đối mặt với tình trạng thị trường titan thế giới bị giảm sút đáng kể. Số lượng tiêu thụ và giá cả các sản phẩm titan trên thị trường đang xuống rất thấp (giảm hơn 60% so với giá tại thời điểm đầu năm 2012) và vẫn tiếp diễn trong năm 2015. Tính đến thời điểm cuối năm 2015, giá thị trường của các sản phẩm titan đã xuống đến mức rất thấp. Trong bối cảnh thị trường như vậy, bên cạnh việc doanh thu bị giảm sút do số lượng tiêu thụ và giá cả giảm thì hiệu quả kinh doanh cũng bị ảnh hưởng đáng kể.

- **Vấn đề về thuế, phí:** Các chính sách thuế, phí được ban hành đang làm cho các doanh nghiệp trong ngành titan nói chung phải chịu thêm gánh nặng tài chính. Một số doanh nghiệp đã phải dừng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng. Bản thân Công ty CP Khoáng sản Bình Định cũng đã phải cắt giảm 50% sản lượng so với trước đây để hạn chế bớt áp lực về giá trị hàng tồn kho ngày càng tăng lên do sức mua của thị trường bị thu hẹp đáng kể.

Thuế suất thuế tài nguyên đang ở mức cao (16%) cũng góp phần làm tăng chi phí và giá thành sản phẩm.

Bên cạnh đó việc thực hiện Nghị định 203/2013/NĐ-CP quy định về việc tính mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản có hiệu lực từ ngày 20/01/2014 làm tăng thêm áp lực tài chính cho các doanh nghiệp khai thác khoáng sản nói chung, tỷ trọng giá trị thuế, phí chiếm trong giá thành vốn đã cao lại càng cao hơn.

c. Những tiến bộ đạt được:

Trong điều kiện có nhiều khó khăn, Công ty đã có nhiều cố gắng và đạt được những tiến bộ nhất định:

- Trong khâu khai thác: Công ty đã thực hiện đầu tư các trang thiết bị cần thiết để bảo đảm khai thác triệt để tài nguyên, tiết kiệm chi phí khai thác, kéo dài tuổi thọ của mỏ.

- Trong khâu chế biến: Nhờ đầu tư máy móc thiết bị, Công ty đã tăng tỷ lệ thu hồi sản phẩm trong quá trình chế biến sản phẩm. Đối với sản phẩm xi vữa cơ bản đội ngũ cán bộ kỹ thuật Công ty đã làm chủ được dây chuyền luyện xi, thỏa mãn đầy đủ các yêu cầu về chất lượng sản phẩm cho các đối tượng khách hàng khác nhau.

- Về vấn đề môi trường: Công ty đã thực hiện tốt việc hoàn thổ, trồng cây phục hồi môi trường sau khai thác. Năm 2015 Công ty được tiếp tục đánh giá là doanh

nghiệp thực hiện việc trồng cây phục hồi môi trường tốt nhất so với các doanh nghiệp khai thác titan khác tại địa bàn tỉnh Bình Định. Công ty cũng quan tâm đầu tư hoàn chỉnh hệ thống xử lý khói bụi. Nhờ vậy đã xử lý triệt để vấn đề khói bụi trong chế biến sô.

- Từ năm 2014 Công ty đã tiến hành hoàn thiện trong việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào quá trình sản xuất kinh doanh. Việc áp dụng ISO 9001:2008 một mặt bảo đảm sự chặt chẽ của quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm, giữ vững uy tín của Công ty đối với khách hàng, mặt khác, đây cũng là tiền đề quan trọng cho Công ty trong việc tiếp cận và phát triển khách hàng mới, góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Tình hình tài chính

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2014	Năm 2015
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	46,41%	44,52%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	53,59%	55,48%
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	13,08%	17,69%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	86,92%	82,31%
3	Khả năng thanh toán		
	- Khả năng thanh toán nhanh	17,22%	60,12%
	- Khả năng thanh toán hiện hành	527,18%	374,34%
4	Tỷ suất lợi nhuận		
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	10,32%	6,05%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	13,69%	9,80%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	9,44%	6,17%

a. Tình hình tài sản

Tình hình tài sản của Công ty so với năm 2014 nhìn chung ít biến động. Cơ cấu giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn không có sự thay đổi đáng kể.

Về tỷ suất lợi nhuận: thấp hơn so với năm 2014. Điều này có nguyên nhân là do thị trường trong nước và thế giới năm 2015 vẫn tiếp tục chiều hướng đi xuống, làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả sản xuất kinh doanh.

- Các khoản nợ phải thu nhìn chung là bình thường. Tính đến thời điểm 31/12/2015, Công ty không có bất cứ khoản nợ xấu cũng như khoản nợ khó đòi nào trên số dư nợ phải thu của Công ty.

b. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả năm 2015 có giảm một ít so với năm trước. Nhìn chung tình hình nợ phải trả là bình thường.

- Về nợ ngắn hạn: Chủ yếu là “Khoản phải trả ngắn hạn khác” giá trị 20.889 triệu đồng, trong số này chủ yếu là Quỹ trả cổ tức chiếm 19.134 triệu đồng, đây là phần lợi nhuận sau thuế dùng để chi cổ tức cho cổ đông nhưng chưa chi, được chuyển sang khoản phải trả để theo dõi; và khoản "Phí cấp quyền khai thác mỏ" (5,68 tỷ đồng). Các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác nhìn chung là bình thường.

- Về nợ dài hạn: Là khoản nợ phải trả do Công ty thuê đất tại Cụm công nghiệp Cát Nhon để xây dựng Nhà máy xi titan Bình Định. Thời hạn trả kéo dài 45 năm kể từ ngày thuê đất.

c. Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái:

Trong năm 2015, tỷ giá USD có sự biến động nhẹ. Mức độ ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là không nhiều.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Qua nhiều năm hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty ngày càng phát triển lớn mạnh, quy mô của Công ty phát triển trên nhiều mặt. Vốn Điều lệ tăng từ 13,1 tỷ đồng năm 2006, hiện nay là gần 124 tỷ đồng, tổng tài sản đạt hơn 237 tỷ đồng. Số lượng lao động hiện nay là 324 người, địa bàn hoạt động mở rộng và mức độ phức tạp của quản lý theo đó cũng tăng lên tương ứng.

Trong bối cảnh đó, để đáp ứng với nhu cầu quản lý sản xuất kinh doanh trong giai đoạn mới, Công ty đã tiến hành thay đổi mô hình quản lý từ mô hình quản lý hai cấp (cấp Công ty và cấp Phân xưởng) sang mô hình quản lý ba cấp (cấp Công ty, cấp Nhà máy, Xí nghiệp và cấp Phân xưởng).

Như vậy, mô hình quản lý mới bổ sung thêm cấp quản lý trung gian là cấp Nhà máy, Xí nghiệp. Việc bổ sung thêm cấp quản lý này một mặt tăng cường quyền hạn cũng như tính chủ động của người đứng đầu cấp Nhà máy, Xí nghiệp; khắc phục được những bất cập của mô hình quản lý cũ; mặt khác, trách nhiệm của các cấp quản lý cũng được tách bạch rõ ràng và nâng cao hơn một bước, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý chung trong toàn Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Theo định hướng phát triển trước mắt cũng như lâu dài, Công ty sẽ phát triển theo hướng tận dụng và phát huy mạnh mẽ các lợi thế của Công ty trong lĩnh vực khai thác và chế biến sa khoáng titan, tiếp tục nghiên cứu đầu tư các công nghệ chế biến titan sâu hơn trên cơ sở phát huy công nghệ hiện có và tiếp thu các công nghệ tiên tiến khác trên thế giới. Tiếp tục nâng cao hàm lượng kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, tạo ra sự khác biệt về sản phẩm để tăng khả năng cạnh tranh, tạo thế đứng vững chắc trong



lĩnh vực khai thác và chế biến titan, tăng giá trị gia tăng của các sản phẩm, làm cơ sở cho việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm qua, để phục vụ cho công tác quản trị Công ty, Hội đồng quản trị tổ chức họp 05 lần, đã ban hành 05 nghị quyết, đồng thời thực hiện tốt quyền hạn của mình trong việc giám sát, triển khai và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Tổng Giám đốc.

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp tốt và thỏa mãn các yêu cầu của Ban kiểm soát nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát phát huy đầy đủ chức năng và hoàn thành nhiệm vụ của mình trong năm 2015.

- Bên cạnh việc nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 đề ra, Công ty luôn quan tâm đến đời sống và đảm bảo các quyền lợi của người lao động như chế độ BHXH, BHYT, BHTN ...

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty cũng quan tâm tạo điều kiện để các tổ chức chính trị xã hội trong doanh nghiệp hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Trong năm 2015, trong điều kiện sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn do thị trường giảm sút, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có những nỗ lực đáng kể nhằm ổn định và duy trì sản xuất kinh doanh, cũng như trong việc nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu do Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 đề ra, ổn định thu nhập cho người lao động trong Công ty, tạo cơ sở cho việc ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh trong năm 2016 và những năm sắp tới.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu tại 11/03/16		Ghi chú
		Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu	
	Cộng	2,35%	42,51%	
1	Lê Anh Vũ	0,51%	15,00%	
2	Hoàng Liên Sơn		22,51%	Thành viên không ĐH



3	Nguyễn Bạo		10,00%	Thành viên không ĐH
4	Trần Cảnh Thịnh	0,10%		
5	Hà Văn Cường	0,11%		

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hiện Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định luôn bám sát và thực hiện đúng chủ trương, đường lối, chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Để chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong năm HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp và ban hành những Nghị quyết phù hợp tình hình thực tế, góp phần mang lại hiệu quả cao cho đơn vị. Cụ thể như sau:

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	02/NQ-HĐQT-BMC	11/02/2015	Thông qua việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015.
2	03/NQ-HĐQT-BMC	17/03/2015	Thông qua kế hoạch SXKD năm 2015; thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015
3	05/NQ-HĐQT-BMC	29/05/2015	Chấm dứt tư cách thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Văn Chánh và bổ nhiệm ông Hoàng Liên Sơn giữ chức vụ thành viên HĐQT.
4	07/NQ-HĐQT-BMC	28/09/2015	Thông qua ước số liệu về kết quả SXKD 9 tháng năm 2015 và một số vấn đề khác.
5	08/NQ-HĐQT-BMC	04/12/2015	Thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền lần 1 năm 2015

• Về ưu điểm:

☞ Về công tác chỉ đạo điều hành:

HĐQT thống nhất cao về mục tiêu củng cố, ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; luôn quan tâm đến việc làm, đời sống vật chất và tinh thần, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước; đảm bảo cổ tức của cổ đông hàng năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Để chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã kịp thời ban hành, điều chỉnh các Nghị quyết và chỉ đạo Ban Điều hành Công ty trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả

Xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ, mọi chủ trương lớn cũng như kế hoạch trung dài hạn trước khi xây dựng và tổ chức thực hiện đều được HĐQT và Ban quản lý tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các đoàn thể, người lao động và các cổ đông, do đó đã tạo được bầu không khí dân chủ, gắn bó của toàn thể CBCNV và cổ đông với Công ty.

☛ Về công tác nhân sự:

Trong năm 2015, để nâng cao hiệu lực quản lý, phục vụ tốt hơn cho công tác điều hành và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty tiếp tục thực hiện việc hoàn thiện và ổn định cơ cấu tổ chức theo mô hình tổ chức quản lý mới theo hướng phân cấp quản lý và phân nhiệm rõ ràng hơn, tạo điều kiện để các bộ phận chủ động trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của Công ty giao, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

• Những hạn chế:

Chưa quan tâm đúng mức đến hoạt động liên doanh liên kết và đa dạng hóa sản phẩm cho nên chưa tận dụng hết lợi thế Công ty cũng như cơ hội của thị trường để nâng hiệu quả sản xuất kinh doanh lên cao hơn nữa.

• Biện pháp khắc phục:

Hoàn chỉnh cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành của UBCK Nhà nước. Nghiên cứu, xem xét thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và các chức danh khác phù hợp với điều kiện và yêu cầu quản trị của Công ty.

Xây dựng đồng bộ hệ thống các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, của HĐQT và các quy chế quy định khác theo yêu cầu quản lý, điều hành Công ty.

Tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, củng cố sự đoàn kết thống nhất trong HĐQT và trong Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật, điều lệ Công ty, phối hợp hài hòa mối quan hệ giữa người lao động và cổ đông của Công ty.

d. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Hiện tại trong cơ cấu Hội đồng quản trị chưa có thành viên độc lập không điều hành. Vấn đề này sẽ được Hội đồng quản trị xem xét và bầu bổ sung trong thời gian sắp tới .

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Hiện Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

f. Về việc tham gia các chương trình về quản trị công ty:

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị:

- + Ông: Lê Anh Vũ
- + Ông: Trần Cảnh Thịnh

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: không có

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu tại 11/03/2016	
		Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu
	Cộng	0,11%	
1	Nguyễn Hồ Tường Vy		
2	Nguyễn Xuân Vinh	0,01%	
3	Lê Thị Trúc Mai	0,10%	

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã tiến hành họp 02 lần để thực hiện việc kiểm tra định kỳ đối với các hoạt động của Công ty. Nội dung kiểm tra chủ yếu bao gồm:

- Kiểm tra báo cáo tài chính 6 tháng, cả năm; thẩm định báo cáo tài chính; báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty; báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Kiểm tra việc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Ban kiểm soát cũng tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đưa ra những kiến nghị, đề xuất trong phạm vi trách nhiệm quyền hạn.

Ngoài ra Ban kiểm soát còn thực hiện công tác giám sát bao gồm giám sát việc tuân thủ pháp luật của Nhà nước; Điều lệ Công ty; các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

❖ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

• Hội đồng quản trị

DVT: 1.000 đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Thưởng	Cộng
1	Lê Anh Vũ	Chủ tịch	96.000	28.258	124.258
2	Nguyễn Văn Chánh	Thành viên	33.600	13.187	46.787

3	Hoàng Liên Sơn	Thành viên	33.600		33.600
4	Nguyễn Bạo	Thành viên	67.200	13.187	80.387
5	Hà Văn Cường	Thành viên	67.200	20.723	87.923
6	Trần Cảnh Thịnh	Thành viên	67.200	20.723	87.923

• **Ban kiểm soát:**

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Thưởng	Cộng
1	Nguyễn Hồ Tường Vy	Trưởng ban	67.200	13.187	80.387
2	Lê Thị Trúc Mai	Thành viên	48.000	9.419	57.419
3	Nguyễn Xuân Vinh	Thành viên	48.000	9.419	57.419

❖ *Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:*

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Khác	Cộng
1	Lê Anh Vũ	Tổng GĐ	199.596	58.304	16.704	274.604
2	Hà Văn Cường	Phó TGD	167.316	53.011	15.674	236.001
3	Trần Cảnh Thịnh	Phó TGD	158.803	46.033	16.649	221.485
4	Huỳnh Ngọc Bích	KTT	139.762	15.214	15.661	170.637

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không phát sinh.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Trong cơ cấu Hội đồng quản trị hiện chưa có thành viên HĐQT độc lập không điều hành. Vấn đề này sẽ được Hội đồng quản trị đưa vào chương trình nghị sự và bổ sung trong thời gian sắp tới.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015



Số: 130/BCKT/TC/2016/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
(Về Báo cáo tài chính năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định)

Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định.

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định được lập ngày 18 tháng 01 năm 2016 từ trang 07 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21. tháng 3 năm 2016
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



Đinh Thế Đường
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2013-142-1

Kiểm toán viên

Chu Thế Bình
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1858-2013-142-1



011725
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN DỊCH VỤ TƯ
VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		131.921.506.194	137.557.201.488
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		21.186.241.431	4.494.159.196
1. Tiền	111	V.1	21.186.241.431	4.494.159.196
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.642.612.202	21.420.933.856
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2		16.861.882.500
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	55.000.000	365.500.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	1.587.612.202	4.193.551.356
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	99.207.531.329	101.259.590.866
1. Hàng tồn kho	141		99.207.531.329	101.259.590.866
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.885.121.232	10.382.517.557
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.9	8.055.874.996	5.403.213.222
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	1.829.246.236	4.979.309.625
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		105.852.043.703	119.146.083.948
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		3.816.341.000	3.272.164.500
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	3.816.341.000	3.272.164.500
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		82.313.782.848	93.151.986.369
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	82.313.782.848	93.151.986.369
- Nguyên giá	222		204.781.144.271	204.820.716.997
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(122.467.361.423)	(111.668.730.628)
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.6		125.881.819
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			125.881.819
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		19.721.919.855	22.596.051.260
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	19.721.919.855	22.596.051.260
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		237.773.549.897	256.703.285.436

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		42.055.972.059	33.565.086.562
I. Nợ ngắn hạn	310		35.241.550.464	26.093.008.666
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	22.043.633	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	129.753.900	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	6.464.083.628	1.876.419.786
4. Phải trả người lao động	314	V.14		10.990.695.537
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.840.819.000	7.334.765.428
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	20.889.484.975	1.874.264.787
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	322	V.17	4.895.365.328	4.016.863.128
II. Nợ dài hạn	330		6.814.421.595	7.472.077.896
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	6.814.421.595	7.472.077.896
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	V.18	195.717.577.838	223.138.198.874
I. Vốn chủ sở hữu	410		195.717.577.838	223.138.198.874
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		123.926.300.000	123.926.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		123.926.300.000	123.926.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.391.000.000	19.391.000.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		34.129.645.874	33.971.569.215
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.270.631.964	45.849.329.659
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.196.315.000	24.785.260.000
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		12.074.316.964	21.064.069.659
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		237.773.549.897	256.703.285.436

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

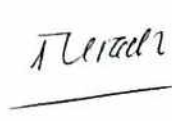
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)







Nguyễn Thị Tuyết Minh

Huỳnh Ngọc Bích

Lê Anh Vũ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	123.231.338.944	177.979.562.681
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	24.091.387.290
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.3	123.231.338.944	153.888.175.391
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	92.380.164.506	107.040.687.482
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		30.851.174.438	46.847.487.909
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	1.890.840.283	697.500.725
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	506.995.435	106.275.590
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	6.379.037
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8a	10.181.218.469	11.365.082.804
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8b	7.730.222.992	12.536.550.187
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		14.323.577.825	23.537.080.053
11. Thu nhập khác	31	VI.7	55.058.565	2.957.322.909
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		55.058.565	2.957.322.909
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.378.636.390	26.494.402.962
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	2.304.319.426	5.430.338.303
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	VI.13	12.074.316.964	21.064.069.659
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	974	1.700
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Tuyết Minh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Huỳnh Ngọc Bích

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lê Anh Vũ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.378.636.390	26.494.402.962
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		10.952.710.339	20.490.704.610
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(352.769.131)	(116.347.446)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.128.172.001)	(26.847.103)
- Chi phí lãi vay	06			6.379.037
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.850.405.597	46.848.292.060
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		17.971.396.566	13.282.252.477
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.052.059.537	(40.056.533.227)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(13.053.691.362)	(20.524.071.000)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.874.131.405	(2.794.045.697)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14			(6.379.037)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			(13.879.406.686)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(544.176.500)	(544.176.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		33.150.125.243	(17.674.067.706)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(7.180.175.267)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		66.433.566	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.195.497	26.847.103
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		88.629.063	(7.153.328.164)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			6.889.893.810
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(6.889.893.810)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.144.489.225)	(12.126.051.850)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(18.144.489.225)	(12.126.051.850)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		15.094.265.081	(36.953.447.720)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.494.159.196	41.428.695.410
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.597.817.154	18.911.508
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	21.186.241.431	4.494.159.196

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Tuyết Minh



Huỳnh Ngọc Bích



Lê Anh Vũ

H. VỤ TU
HÌNH KẾ
KIỂM T
HÓA NA
- TP. HC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2015

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Khoáng Sản Bình Định được thành lập theo Quyết định số 09/2001/QĐ-UB ngày 08 tháng 01 năm 2001 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Định về việc chuyển Công ty Khoáng Sản Bình Định thành Công ty Cổ phần Khoáng Sản Bình Định; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3503000009 ngày 08 tháng 01 năm 2001; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 15 tháng 5 năm 2012; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 30 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Định cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 123.926.300.000 đồng (Một trăm hai mươi ba tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng).

- 2. Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất công nghiệp; Khai thác chế biến và tiêu thụ các loại khoáng sản.
- 3. Ngành nghề kinh doanh:** Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản từ quặng sa khoáng Titan và các loại quặng, khoáng sản khác; Các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản (trừ điều tra, thăm dò dầu khí); Kiểm tra, phân tích kỹ thuật các loại quặng khoáng sản; Mua bán các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ khai thác và chế biến các loại quặng khoáng sản.
- 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**
Chu kì sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:** Không
- 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu năm trước.



II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- 1. Kỳ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

- 1. Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:** Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

3.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.2 Các khoản chi vay:

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

5.1 Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

5.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

5.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

5.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

6.1 Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

10.1 Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông, chủ sở hữu.

10.2 Thặng dư vốn cổ phần:

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

10.3 Vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

11.1 Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

11.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần



18-C
Y
N
SẢN
NH
BINH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

11.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc kê toán các khoản giảm trừ doanh thu:

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

Chiết khấu thương mại: phải trả là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Bên bán hàng thực hiện kế toán chiết khấu thương mại theo những nguyên tắc sau:

Trường hợp trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng đã thể hiện khoản chiết khấu thương mại cho người mua là khoản giảm trừ vào số tiền người mua phải thanh toán (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã trừ chiết khấu thương mại) thì doanh nghiệp (bên bán hàng) không sử dụng tài khoản này, doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại (doanh thu thuần).

Kế toán phải theo dõi riêng khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp chi trả cho người mua nhưng chưa được phản ánh là khoản giảm trừ số tiền phải thanh toán trên hóa đơn. Trường hợp này, bên bán ghi nhận doanh thu ban đầu theo giá chưa trừ chiết khấu thương mại (doanh thu gộp). Khoản chiết khấu thương mại cần phải theo dõi riêng trên tài khoản này thường phát sinh trong các trường hợp như:

Số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng. Trường hợp này có thể phát sinh do người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu và khoản chiết khấu thương mại chỉ được xác định trong lần mua cuối cùng;



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Các nhà sản xuất cuối kỳ mới xác định được số lượng hàng mà nhà phân phối (như các siêu thị) đã tiêu thụ và từ đó mới có căn cứ để xác định được số chiết khấu thương mại phải trả dựa trên doanh số bán hoặc số lượng sản phẩm đã tiêu thụ.

Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế. Bên bán hàng thực hiện kế toán giảm giá hàng bán theo những nguyên tắc sau:

Trường hợp trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng đã thể hiện khoản giảm giá hàng bán cho người mua là khoản giảm trừ vào số tiền người mua phải thanh toán (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm) thì doanh nghiệp (bên bán hàng) không sử dụng tài khoản này, doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã giảm (doanh thu thuần).

Chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng (đã ghi nhận doanh thu) và phát hành hoá đơn (giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất...

Đối với hàng bán bị trả lại: để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, giá vốn còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Đối với kinh doanh bất động sản, khi chưa tập hợp được đầy đủ hồ sơ, chứng từ về các khoản chi phí liên quan trực tiếp tới việc đầu tư, xây dựng bất động sản nhưng đã phát sinh doanh thu nhượng bán bất động sản, được trích trước một phần chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán. Khi tập hợp đủ hồ sơ, chứng từ hoặc khi bất động sản hoàn thành toàn bộ, thì phải quyết toán số chi phí đã trích trước vào giá vốn hàng bán. Phần chênh lệch giữa số chi phí đã trích trước cao hơn số chi phí thực tế phát sinh được điều chỉnh giảm giá vốn hàng bán của kỳ thực hiện quyết toán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

- Chỉ được trích trước vào giá vốn hàng bán đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng và phải thuyết minh chi tiết về lý do, nội dung chi phí trích trước cho từng hạng mục công trình trong kỳ.

- Chỉ được trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành, được xác định là đã bán trong kỳ và đủ tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu.

- Số chi phí trích trước được tạm tính và số chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận vào giá vốn

hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (được xác định theo diện tích).

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được

01172
CÔNG TY
NHỆ HỒ
VỤ TƯ
ÍNH KẾ
KIỂM TO
ÁI NA!
TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

14. **Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:** Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Không hạch toán vào chi phí tài chính những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí khác.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu và được ghi nhận vào chi phí tài chính nếu việc phát hành trái phiếu cho mục đích sản xuất, kinh doanh thông thường.

Lãi phải trả của trái phiếu chuyển đổi được tính vào chi phí tài chính trong kỳ được xác định bằng cách lấy giá trị phần nợ gốc đầu kỳ của trái phiếu chuyển đổi nhân (x) với lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi

Nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, khoản cổ tức ưu đãi đó về bản chất là khoản lãi vay và phải được ghi nhận vào chi phí tài chính.

15. **Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:**

a. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng:

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

Chi phí bán hàng được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

b. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

16.1 Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Tiền mặt	977.942.440	1.208.840.382
* Tiền gửi ngân hàng	20.208.298.991	3.285.318.814
- Ngân hàng TMCP ĐT & PT - CN.Bình Định (VND)	443.287.049	83.566.214
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN.Bình Định (VND)	42.172.089	41.919.884
- Ngân hàng NN & PTNT - CN.Bình Định (VND)	19.303.114	2.451.524
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN.Bình Định (# 807.73 USD)	18.060.843	17.251.976
- Ngân hàng TMCP ĐT & PT - CN.Bình Định (# 542,081.14 USD)	12.164.300.782	3.102.332.231
- Ngân hàng NN & PTNT- CN.Bình Định (# 335,317.66 USD)	7.521.175.114	37.796.985
Cộng	21.186.241.431	4.494.159.196

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Phải thu ngắn hạn của khách hàng		16.861.882.500
- Công ty KDC Malaysia (# 233,100.00 USD)		2.991.645.000
- Mineral Venture International (MVI) (# 139,960.00 USD)		4.982.512.500
- Công ty Qinzhou Dewei Trade Company LTD-T.Quốc (# 415,800.00 USD)		8.887.725.000
Cộng		16.861.882.500

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Trả trước cho người bán ngắn hạn	55.000.000	365.500.000
- Công ty TNHH DVTM Bình Hải		122.500.000
- Đoàn địa chất 502	30.000.000	30.000.000
- Mitsui & Co LTD Việt Nam		168.000.000
- Phan Thanh Nghị	25.000.000	25.000.000
- Đoàn địa chất 506		20.000.000
Cộng	55.000.000	365.500.000

4. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a- Phải thu ngắn hạn khác	1.587.612.202		4.193.551.356	
- Bảo hiểm thất nghiệp	34.656.925		23.942.080	
- Bảo hiểm y tế	99.363.652		53.869.680	
- Phải thu lại do chi dự lương năm 2015	658.352.825			
- Phải thu Quỹ phúc lợi	795.238.800			
- Thuế GTGT (đã có Quyết định hoàn thuế)			4.040.739.596	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

- Khác		75.000.000
b- Phải thu dài hạn khác	3.816.341.000	3.272.164.500
* Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	3.816.341.000	3.272.164.500
- Ký quỹ môi trường mỏ 73 ha Phù Cát	438.000.000	438.000.000
- Ký quỹ môi trường mỏ 150 ha Phù Cát	3.378.341.000	2.834.164.500
Cộng	5.403.953.202	7.465.715.856

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	3.677.621.052		6.799.815.551	
- Công cụ, dụng cụ	1.097.729.723		1.660.621.246	
- Thành phẩm	94.432.180.554		92.799.154.069	
Cộng	99.207.531.329		101.259.590.866	

6. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Xây dựng cơ bản dở dang		125.881.819
- Mua sắm		125.881.819
- Xây dựng cơ bản		
Cộng		125.881.819



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2015

Đơn vị tính: VND

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	41.024.767.015	142.383.772.029	20.557.065.347	855.112.606	204.820.716.997
- Mua trong năm					
- Cải tạo sửa chữa					
- Đầu tư XDCB hoàn thành		125.881.819			125.881.819
- Thanh lý, nhượng bán	165.454.545				165.454.545
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	40.859.312.470	142.509.653.848	20.557.065.347	855.112.606	204.781.144.271
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	19.211.144.813	79.413.689.939	12.334.613.371	709.282.505	111.668.730.628
- Khấu hao trong năm	2.322.193.657	7.262.453.473	1.315.258.702	52.804.507	10.952.710.339
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán	154.079.544				154.079.544
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	21.379.258.926	86.676.143.412	13.649.872.073	762.087.012	122.467.361.413
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	21.813.622.202	62.970.082.090	8.222.451.976	145.830.101	93.151.986.369
2. Tại ngày cuối năm	19.480.053.544	55.833.510.436	6.907.193.274	93.025.594	82.313.782.848

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Chi phí trả trước dài hạn	19.721.919.855	22.596.051.260
- Công cụ, dụng cụ chưa phân bổ	577.163.782	1.351.850.260
- Phí cấp quyền khai thác mỏ	6.437.471.286	7.654.965.000
- Chi phí trồng rừng mô 73 ha Cát Thành	647.113.787	1.214.425.000
- Tiền thuê đất NMX 45 năm theo hợp đồng thuê đất	12.060.171.000	12.374.811.000
Cộng	19.721.919.855	22.596.051.260

9. TÀI SẢN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a- Tài sản ngắn hạn khác	8.055.874.996	5.403.213.931
- Thuế GTGT được khấu trừ	8.055.874.996	5.403.213.931
Cộng	8.055.874.996	5.403.213.931

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

10. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
* Vay dài hạn	6.814.421.595	6.814.421.595	194.130.084	851.786.385	7.472.077.896	7.472.077.896
- Tiền thuê đất nhà máy xi	6.814.421.595	6.814.421.595	194.130.084	851.786.385	7.472.077.896	7.472.077.896
Cộng	6.814.421.595	6.814.421.595	194.130.084	851.786.385	7.472.077.896	7.472.077.896

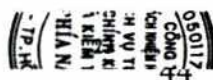
11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
* Phải trả người bán ngắn hạn	22.043.633	22.043.633		
- DNTN Xuyên Quốc Dân	13.536.360	13.536.360		
- DNTN TM Vận Tài Thế Anh	1.340.000	1.340.000		
- Lê Thị Lai	490.000	490.000		
- Hiệu buôn Trường Duyên	5.100.000	5.100.000		
- DNTN Thành Bảo	1.577.273	1.577.273		
Cộng	22.043.633	22.043.633		

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

* Người mua trả tiền trước ngắn hạn	
- IRIS Corporation- Hàn Quốc (# 5,790.00 USD)	
Cộng	

	Số cuối năm	Số đầu năm
	129.753.900	
	129.753.900	
Cộng	129.753.900	



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC	Đầu năm		Số phát sinh trong năm		Cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu	Phải nộp
I. Thuế	4.086.049.484	1.876.419.786	30.893.098.194	24.135.881.017	1.829.246.236	6.376.833.715
- Thuế Giá trị gia tăng đầu ra						
- Thuế xuất khẩu			17.923.325.840	17.968.750.308	45.424.468	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.024.100.519		2.304.319.426		1.719.781.093	
- Thuế thu nhập cá nhân	61.948.965		83.777.087	85.868.797	64.040.675	
- Thuế tài nguyên		1.876.419.786	10081753775	5.581.339.846		6.376.833.715
- Tiền thuế đất			496.922.066	496.922.066		
- Thuế Môn bài			3.000.000	3.000.000		
II. Các khoản phải thu khác	893.254.155		4.136.499.384	3.155.995.316		87.249.913
- Phí cấp quyền khai thác khoáng sản			2.840.819.000	2.840.819.000		
- Phí bảo vệ môi trường	893.254.155		1.295.680.384	315.176.316		87.249.913
Cộng	4.979.303.639	1.876.419.786	35.029.597.578	27.291.876.333	1.829.246.236	6.464.083.628

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

	Số cuối năm	Số đầu năm
14. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG		
- Lương phải trả công nhân viên		10.990.695.537
Cộng		10.990.695.537
15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ		
* Chi phí phải trả ngắn hạn	2.840.819.000	7.334.765.428
- Thù lao của HDQT & BKS		46.000.000
- Công ty TNHH DVTM Bình Hải		225.000.000
- Đoàn Địa Chất 506		31.117.428
- Công ty TNHH vận tải & TM Thịnh phát		55.300.000
- Phí quyền khai thác mỏ	2.840.819.000	5.681.638.000
- Công ty TNHH Phát triển công nghệ Thái Sơn		850.000
- Hiệu may Việt Huy (đồng phục nhân viên)		1.294.860.000
Cộng	2.840.819.000	7.334.765.428
16. PHẢI TRẢ KHÁC		
* Phải trả ngắn hạn khác	20.889.484.975	1.874.264.787
- Kinh phí Công đoàn	1.383.649.618	1.234.076.677
- Bảo hiểm xã hội	5.410.587	170.839.100
- Phan Huy Hoàng	66.538.660	66.538.660
- Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	274.451.635	277.969.440
- Thuế thu nhập cá nhân người ngoài công ty	2.637.400	1.444.600
- Cổ đông Quách Xiếu An	750.000	750.000
- Quỹ trả cổ tức	19.134.838.075	101.437.300
- Cổ tức 10% của cổ đông lưu ký sản chứng khoán SME	1.949.000	1.949.000
- Khác	19.260.000	19.260.000
Cộng	20.889.484.975	1.874.264.787
17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI, BAN ĐIỀU HÀNH		
- Quỹ khen thưởng	4.895.361.328	2.895.361.328
- Quỹ phúc lợi		1.121.499.800
- Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành công ty	4.000	2.000
Cộng	4.895.365.328	4.016.863.128

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a/ Bảng cân đối biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	123.926.300.000	19.391.000.000	24.916.162.284		46.233.296.931	214.466.759.215
- Tăng vốn trong năm trước						
- Lãi trong năm trước					21.064.069.659	21.064.069.659
- Tăng khác			9.055.406.931			9.055.406.931
- Giảm vốn trong năm trước						
- Lỗ trong năm trước						
- Giảm khác					21.448.036.931	21.448.036.931
Số dư đầu năm nay	123.926.300.000	19.391.000.000	33.971.569.215	-	45.849.329.659	223.138.198.874
- Tăng vốn trong năm nay						
- Lãi trong năm nay					12.074.316.964	12.074.316.964
- Tăng khác			158.076.659			158.076.659
- Giảm vốn trong năm nay						
- Lỗ trong năm nay						
- Giảm khác (*)					39.653.014.659	39.653.014.659
Số dư cuối năm nay	123.926.300.000	19.391.000.000	34.129.645.874	-	18.270.631.964	195.717.577.838

Ghi chú:

(*) Giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được trích theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/NQ-ĐHĐCĐ-BMC ngày 18/4/2015

- Trích cổ tức 2014

- Quỹ khen thưởng phúc lợi

- Thương ban điều hành

- Quỹ đầu tư phát triển

Cộng

Số tiền (VND)

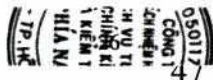
37.177.890.000

2.106.407.000

210.641.000

158.076.659

39.653.014.659



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

b/ Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Công ty mẹ	0%		
- Vốn góp của các đối tượng khác	100%	123.926.300.000	123.926.300.000
Cộng	100%	123.926.300.000	123.926.300.000

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
- Vốn chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	123.926.300.000	123.926.300.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	123.926.300.000	123.926.300.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	18.144.489.225	12.126.051.850
d/ Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.392.630	12.392.630
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	12.392.630	12.392.630
+ Cổ phiếu phổ thông	12.392.630	12.392.630
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.392.630	12.392.630
+ Cổ phiếu phổ thông	12.392.630	12.392.630
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP		
e/ Các quỹ của doanh nghiệp	34.129.645.874	33.971.569.215
- Quỹ Đầu tư và phát triển	34.129.645.874	33.971.569.215

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

* Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	878,206.53	147,713.74
Cộng	878,206.53	147,713.74

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	123.231.338.944	177.979.562.681
Cộng	123.231.338.944	177.979.562.681

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	Năm nay	Năm trước
- Thuế xuất khẩu		24.091.387.290
Cộng		24.091.387.290

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

	Năm nay	Năm trước
3. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
- Doanh thu thuần bán hàng	123.231.338.944	153.888.175.391
Cộng	123.231.338.944	153.888.175.391
4. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	92.380.164.506	107.040.687.482
Cộng	92.380.164.506	107.040.687.482
5. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.195.497	26.847.103
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.868.644.786	670.653.622
Cộng	1.890.840.283	697.500.725
6. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
- Lãi tiền vay		6.379.037
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	506.995.435	99.896.553
Cộng	506.995.435	106.275.590
7. THU NHẬP KHÁC		
- Doanh thu tuyển mẫu		9.090.909
- Thanh lý tài sản cố định	55.058.565	
- Hoàn nhập chi phí XD CSHT (73ha mỏ Cát Thành)		2.920.000.000
- Thu nhập khác		28.232.000
Cộng	55.058.565	2.957.322.909
8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi dịch vụ bao bì		1.182.299.750
- Chi phí khấu hao TSCĐ	18.958.335	33.090.908
- Dịch vụ mua ngoài	10.162.260.134	10.149.692.146
Cộng	10.181.218.469	11.365.082.804
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên quản lý	2.980.365.039	3.193.153.952
- Chi phí đồ dùng văn phòng	35.121.545	33.926.545
- Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý	58.790.092	206.662.380
- Thuế và lệ phí	1.724.029.364	2.589.475.648
- Dịch vụ mua ngoài	2.490.640.952	3.510.203.662
- Các khoản chi phí QLDN khác	441.276.000	3.003.128.000
Cộng	7.730.222.992	12.536.550.187



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

	Năm nay	Năm trước
9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.212.781.555	87.081.308.639
- Chi phí nhân công	15.057.973.778	17.985.643.242
- Chi phí khấu hao TSCĐ	10.952.710.339	20.490.704.610
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.087.925.581	48.313.610.474
- Chi phí bằng tiền khác	510.728.000	3.621.605.678
Cộng	107.822.119.253	177.492.872.643
10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	2.304.319.426	5.430.333.303
Cộng	2.304.319.426	5.430.333.303
11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	12.074.316.964	21.064.069.659
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.074.316.964	21.064.069.659
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.392.630	12.392.630
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	974	
12. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT		
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	528.000.000	561.600.000
Cộng	528.000.000	561.600.000
13. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ		
+ Tổng lợi nhuận trước thuế	14.378.636.390	26.494.402.962
+ Các khoản điều chỉnh tăng	315.416.000	5.319.536.351
+ Các khoản điều chỉnh giảm	320.682.005	3.131.751.090
+ Tổng thu nhập chịu thuế	14.373.370.385	28.682.188.223
+ Thuế TNDN phải nộp	3.162.141.485	6.310.081.409
+ Thuế TNDN được miễn, giảm	857.822.059	879.748.106
+ Thuế TNDN còn phải nộp	2.304.319.426	5.430.333.303
+ Lợi nhuận sau thuế TNDN	12.074.316.964	21.064.069.659

VII. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG

1- Giao dịch giữa các bên liên quan: Không phát sinh

2- Về báo cáo bộ phận:

- Về lĩnh vực kinh doanh:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản và chỉ có mặt hàng chủ yếu là các loại quặng khoáng sản titan, hoạt động sản xuất của công ty là một quy trình khép kín từ khâu khai thác đến khâu sản xuất ra thành phẩm tiêu thụ.

- Về khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất của Công ty nằm trong phạm vi một tỉnh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

3- Báo cáo về Công cụ tài chính:

Tình hình sử dụng công cụ tài chính phái sinh tại doanh nghiệp:
- Về hợp đồng kỳ hạn: Không phát sinh

4- Thuyết minh về biến động Lợi nhuận sau thuế của năm 2015 so với năm 2014

Doanh thu bán hàng Năm 2015 bằng 69,24% so với năm trước và Lợi nhuận sau thuế Năm 2015 so với năm trước chỉ bằng 57,32%, do các nguyên nhân chính sau:

- Thị trường tiêu thụ hàng hóa khó khăn hơn và giá bán giảm hơn.
- Các khoản chi phí đầu vào tăng cao hơn như: điện, xăng dầu, thuế, phí...

5- Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

* Trình bày lại số liệu đầu năm theo Thông tư 200/2014 ngày 22 tháng 12 năm 2014.

- Trích bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đầu năm		
		Theo báo cáo kiểm toán năm 2014	Điều chỉnh theo TT 200/2014	Trình bày lại
Quỹ đầu tư phát triển	417	21.579.231.697	33.971.569.215	33.971.569.215
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		21.579.231.697	33.971.569.215	33.971.569.215

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

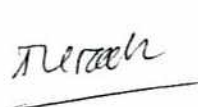
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)








Lê Anh Vũ

Nguyễn Thị Tuyết Minh

Huỳnh Ngọc Bích

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Anh Vũ